|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **CAO BẰNG**  ĐỀ THI ĐỀ XUẤT  *(Đề thi gồm 02 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ LẦN THỨ XV, NĂM 2023**  **-----------------------**  **ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10**  *Thời gian: 180 phút (không kể thời gian giao đề)*  *Ngày thi: 15/7/2023* |

**Câu I (4,0 điểm)**

1. Giải thích sự khác biệt về mùa ở khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh? Sự phân bố lục địa và đại dương trên Trái Đất có tính quy luật như thế nào?

2. So sánh sự khác biệt của các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa? Giải thích tại sao thảm thực vật đài nguyên chỉ có ở nửa cầu Bắc mà không có ở nửa cầu Nam?

**Câu II (4,0 điểm)**

1. Tại sao nói nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất? Chứng minh sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất tuân theo quy luật địa đới.

2. Nêu khái niệm sóng biển, thủy triều. Tại sao nhiệt độ nước biển và đại dương không đồng nhất?

**Câu III (4,0 điểm)**

1. Phân biệt gió thường xuyên và gió mùa. Tại sao khu vực gió mùa có hướng gió trái ngược nhau theo mùa?

2. Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt độ trên Trái Đất. Tại sao phải ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Câu IV (4,0 điểm)**

1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất tử thô? Tại sao ở các nước phát triển hiện nay lại có tỉ suất tử thô cao hơn các nước đang phát triển?

2. Tại sao thời gian gần đây, các nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số thành thị nhanh hơn các nước phát triển ?

**Câu V (4,0 điểm)**

1. Dựa vào những tiêu chí nào để đánh giá nền kinh tế?Tại sao cơ cấu ngành trong GDP được xem là một tiêu chí để đánh giá nền kinh tế?

2. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THẾ GIỚI VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI

THỜI KỲ 1990 - 2013

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2000 | 2003 | 2007 | 2013 | 2017 |
| Dân số thế giới (triệu người) | 5300 | 6240 | 6317 | 6625 | 7137 | 7536,0 |
| Sản lượng lương thực (triệu tấn) | 1950 | 2060 | 2021 | 2120 | 2478 | 2980,2 |

a. Để thể hiện dân số thế giới, sản lượng lương thực thế giới thời kỳ 1990 – 2017 thì biểu đồ nào là thích hợp nhất?

b. Từ bảng số liệu trên, rút ra nhận xét cần thiết và giải thích.

**-------------- HẾT --------------**

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)*

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ LẦN THỨ XV, NĂM 2023.**

***Môn thi: Địa lí- lớp 10. (Hướng dẫn chấm gồm 05 trang)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Ý** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **Câu I (4,0 điểm)** | **1** | **Giải thích sự khác biệt về mùa ở khu vực ở khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh? *Sự phân bố lục địa và đại dương trên Trái Đất có tính quy luật như thế nào?*** | ***2.0*** |
| \* Khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh có sự khác biệt về mùa do:  - Đới nóng: quanh năm nóng, sự phân mùa không rõ do nằm ở vùng vĩ độ thấp, ít có sự chênh lệch về góc chiếu sáng giữa các thời kì trong năm.  - Đới ôn hòa: một năm chia thành bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) do nằm ở vĩ độ trung bình, có sự chênh lệch về góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng giữa các thời kì trong năm.  - Đới lạnh: quanh năm lạnh, chỉ có mùa đông do nằm ở vĩ độ cao luôn có góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng nhỏ, lượng nhiệt nhận được thấp.  \* Phân bố của lục địa và đại dương trên Trái Đất có sự đối xứng nhau:  + Bán cầu Bắc 3/4 là lục địa, bán cầu Nam 4/5 là đại dương, vùng cực Bắc là Bắc Băng Dương, cực Nam là lục địa Nam Cực  + Đối xứng với lục địa Âu - Á là Thái Bình Dương, đối xứng với lục địa Mĩ là Ấn Độ Dương. | 0,5  0,5  0,5  0,25  0,25 |
| **2** | **So sánh sự khác biệt của các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa**? **Giải thích tại sao thảm thực vật đài nguyên chỉ có ở nửa cầu Bắc mà không có ở nửa cầu Nam?** | ***2,0*** |
| \* So sánh sự khác biệt của các nhân tố hình thành đất ở vùng cận cực lục địa và vùng nhiệt đới gió mùa:  - Đá mẹ: Vùng cận cực lục địa chủ yếu là các trầm tích Đệ tứ, băng tích, trầm tích hồ, phù sa sông, trầm tích biển. Vùng nhiệt đới gió mùa có đá mẹ phong phú hơn: Bazan, đá vôi, đá phiến, đá gơnai.....  - Khí hậu: Vùng cận cực lục địa khí hậu khắc nghiệt, nhiệt thấp, hầu như tuyết quanh năm, lượng mưa nhỏ (130 – 300mm). Vùng nhiệt đới gió mùa có nền nhiệt cao trên 200C, mưa lớn (1800 – 2000mm), mưa và ẩm thay đổi mạnh theo mùa.  - Sinh vật + địa hình:  + Sinh vật: Vùng cận cực lục địa thành phần đơn giản, khả năng tạo mùn kém. Vùng nhiệt đới ẩm gió mùa có rừng rậm thường xanh, khả năng tạo mùn cao.  + Địa hình: Vùng cận cực lục địa địa hình khá bằng phẳng, nhiều hồ, đầm, đất ít rửa trôi. Vùng nhiệt đới gió mùa nhiều nơi có núi cao, dốc, đất bị rửa trôi mạnh và phân tầng rõ rệt theo độ cao.  - Thời gian + con người:  + Thời gian: Vùng cận cực lục địa đất mới hình thành cách đây dưới 1,5 triệu năm, tuổi trẻ, quá trình hình thành gián đoạn, đất mỏng. Vùng nhiệt đới gió mùa đất hình thành lâu hơn, tuổi đất già, tầng đất dày hơn.  + Con người: Vùng cận cực lục địa đất ít chịu tác động từ các hoạt động của con người hơn so với vùng nhiệt đới gió mùa.  \* Thảm thực vật đài nguyên chỉ có ở nửa cầu Bắc mà không có ở nửa cầu Nam vì:  - Điều kiện hình thành: Hình thành và phát triển ở khí hậu cận cực lục địa, phân bố từ khoảng 500B trở về cực Bắc.  - Nguyên nhân: Do góc nhập xạ nhỏ, lượng nhiệt nhận được ít nên phù hợp cho sinh vật đài nguyên phát triển.  - Bán cầu Nam từ 500N – 620N không có lục địa, diện tích hoàn toàn là đại dương nên không có kiểu khí hậu cận cực lục địa do vậy không có kiểu thảm thực vật đài nguyên.  - Từ 620N đến cực Nam là lục địa châu Nam cực nhưng nhiệt độ ở đây thấp hơn cực Bắc, chỉ có hoang mạc lạnh, thực vật đài nguyên cũng không tồn tại và phát triển được. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu II (4,0 điểm)** | **1** | ***Tại sao nói nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất? Chứng minh sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất tuân theo quy luật địa đới.*** | ***2,0*** |
| \* Nguồn năng lượng bên trong Trái Đất là nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới vì:  - Nguồn năng lượng bên trong Trái Đất đã tạo ra sự phân chia bề mặt đất thành lục địa, đại dương và địa hình núi cao.  - Sự phân chia đó đã tạo ra sự phân hóa các thành phần tự nhiên theo chiều đông-tây, theo độ cao của địa hình , làm phá vỡ tính địa đới của các thành phần tự nhiên, hình thành nên quy luật phi địa đới.  \* Sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất tuân theo quy luật địa đới  • Ở XĐ (200 B- 200N) mưa nhiều nhất trên 1000mm. Do có nhiệt độ cao quanh năm, áp thấp, bốc hơi mạnh và có dòng biển nóng.  • Ở khu vực chí tuyến (200- 400) mưa ít 500-600 mm. Do có áp cao thống trị, lượng bốc hơi ít, phía tây các lục địa có dòng biển lạnh.  • Ở khu vực ôn đới (400 - 600 ) mưa nhiều 500-1000mm. Do gió tây, xoái thuận, áp thấp, dòng biển nóng.  • Ở khu vực cực (trên 600) mưa ít nhất dưới 250 mm. Do có áp cao, nhiệt độ thấp, bốc hơi ít. | 0,5  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2** | ***Nêu khái niệm sóng biển, thủy triều. Tại sao nhiệt độ nước biển và đại dương không đồng nhất?*** | ***2.0*** |
| \* ***Khái niệm sóng biển, thủy triều:***  - Sóng biển là sự dao động tại chỗ của nước biển theo chiều thẳng đứng  - Thủy triều là sự dao động của mực nước biển, đại dương trong một ngày.  ***\*Nhiệt độ nước biển và đại dương không đồng nhất:***  - Theo độ sâu:   * Biểu hiện: Nhiệt độ nước biển giảm dần theo độ sâu, đến độ sâu hơn 3000m nhiệt độ nước biển gần như không thay đổi. * Giải thích: Do càng xuống sâu BXMT suy yếu, đến độ sâu hơn 3000m nhiệt độ nước biển gần như không thay đổi vì bản chất là nước ở các địa cực. * Theo vĩ độ: * Biểu hiện: nhiệt giảm từ xích đạo về 2 cực * Do nhiệt độ nước biển chịu tác động của nhiệt độ không khí: nhiệt độ không khí giảm từ xích đạo về 2 cực. * Theo mùa: * Biểu hiện: nhiệt độ nước biển mùa hạ > nhiệt độ nước biển mùa đông.   + Do: nhiệt độ không khí mùa hạ > mùa đông. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu III (4,0 điểm)** | **1** | ***Phân biệt gió thường xuyên và gió mùa. Tại sao khu vực gió mùa có hướng gió trái ngược nhau theo mùa?*** | ***2,0*** |
| *\* Phân biệt gió thường xuyên và gió mùa:*  - Thời gian: gió thường xuyên hoạt động quanh năm; gió mùa hoạt động theo mùa.  - Nguồn gốc: gió thường xuyên xuất phát từ các áp cao thường xuyên thổi về các áp thấp thường xuyên; gió mùa xuất phát từ các áp cao theo mùa thổi về các áp thấp theo mùa (d/c).  - Hướng gió: gió thường xuyên thổi theo hướng cố định; gió mùa có chiều ngược nhau ở 2 mùa (d/c).  - Tính chất: gió thường xuyên tính chất tương đối ổn định; gió mùa có tính chất trái ngược nhau (d/c).  *\* Giải thích khu vực gió mùa có hướng gió trái ngược nhau theo mùa:*  - Do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa, từ đó có sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương.  - Về mùa hạ, lục địa hấp thụ nhiệt nhanh hơn, nóng lên nhanh hơn đại dương, không khí trên lục địa nóng lên, nở ra, hình thành các áp thấp; gió thổi từ các áp cao ở đại dương về áp thấp ở lục địa.  - Về mùa đông, lục địa tỏa nhiệt nhanh hơn, lạnh đi nhanh hơn đại dương, không khí trên lục địa lạnh đi, co lại, hình thành các áp cao; gió thổi từ các áp cao ở lục địa về các áp thấp ở đại dương. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0, 5  0,25  0,25 |
| **2** | ***Phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố nhiệt độ trên Trái Đất. Tại sao phải ứng phó với biến đổi khí hậu.*** | ***2,0*** |
| **\* Các nhân tố ảnh hưởng tới sự thay đổi nhiệt độ**  - Vĩ độ: Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ xích đạo về cực; biên độ nhiệt trong năm tăng dần từ xích đạo về cực do góc nhập xạ giảm dần từ xích đạo về hai cực.  - Lục địa và đại dương:  + Nhiệt độ TB năm cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa.  + Đại dương có biên độ nhiệt nhỏ, lục địa có biên độ lớn, càng xa đại dương biên độ nhiệt trong năm càng lớn.  - Địa hình:  + Cùng vĩ độ càng lên cao nhiệt độ càng giảm, trung bình lên cao 100m giảm 0,60C;  + Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ dốc và hướng phơi của sườn núi.  - Các nhân tố khác: dòng biển nóng, lạnh; lớp phủ thực vật, hoạt động sản xuất của con người.. *(Nếu học sinh chưa đạt điểm tối đa thì ý này thưởng 0,25 đ)*  \* ***Phải ứng phó với biến đổi khí hậu vì:***  - Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu. Những tác động của biến đổi khí hậu có thể dẫn đến thảm họa đối với nhân loại trong tương lai nếu không có giải pháp hữu hiệu ngay từ bây giờ.  - Các quốc gia sẽ không thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững nếu coi nhẹ nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu. Nếu giải quyết tốt vấn đề này sẽ hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tăng trưởng kinh tế-xã hội và phát triển bền vững,cụ thể:  + Quá trình triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ tạo ra những sản phẩm mới thân thiện với môi trường, phát huy sáng tạo của nhà quản lí, khoa học và người lao động để làm ra các sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao hơn.  + Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu tạo thêm cơ hội trong sản xuất, kinh doanh, việc làm, thu nhập cho người lao động và ngân sách các quốc gia. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu IV (3,0 điểm)** | **1** | ***Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ suất tử thô? Tại sao ở các nước phát triển hiện nay lại có tỉ suất tử thô cao hơn các nước đang phát triển?*** | ***2,0*** |
| ***\* Các nhân tố ảnh hưởng tới tỉ suất tử thô:***  - Nhân tố tự nhiên – sinh học: sự khác biệt sinh học giữa nam và nữ, cơ cấu tuổi và giới tính dẫn đến sự khác biệt về mức chết.  - Nhân tố môi trường sống tác động trực tiếp đến sức khỏe của con người và ảnh hưởng đến mức chết.  - Nhân tố kinh tế – xã hội:  + Mức sống của dân cư: mức sống ngày càng cải thiện và nâng cao thì mức chết càng thấp và ngược lại.  + Trình độ phát triển của y học: trình độ y học càng cao, mạng lưới y tế ngày càng phát triển làm giảm mức chết, đặc biệt là tử vong trẻ sơ sinh.  + Trình độ văn hóa tỉ lệ nghịch với mức chết.  - Các nhân tố khác: chiến tranh, dịch bệnh, tai nạn, thiên tai…  \* Nhóm nước phát triển có cơ cấu dân số già (tỉ lệ người già trong tổng số dân lớn), còn nhóm nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ (tỉ lệ người già trong tổng số dân nhỏ) vì:🡪 Tỉ lệ tử thô của nhóm nước phát triển cao hơn so với nhóm nước đang phát triển. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **2** | ***Tại sao thời gian gần đây, các nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số thành thị nhanh hơn các nước phát triển ?*** | ***1,0*** |
| **Các nước đang phát triển:**  - Quá trình công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh, các trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp… được xây dựng và mở rộng quy mô nên thu hút nhiều lao động.  - Quá trình đô thị hóa đang phát triển mạnh, các đô thị tăng về số lượng và mở rộng qui mô nên thu hút nhiều dân cư.  - Khu vực đô thị có điều kiện và chất lượng cuộc sống tốt hơn… nên thu hút đông dân cư từ nông thôn ra thành thị.  **Các nước phát triển:**  **-** Tỉ lệ gia tăng dân số thấp, mức sống cao và ít chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, do tiến bộ của giao thông vận tải… nên dân cư có xu hướng chuyển cư từ trung tâm thành phố ra ngoại ô...  - Quá trình đô thị hóa diễn ra từ lâu đời, khả năng kiếm việc làm và tăng thu nhập ở đô thị không còn hấp dẫn như giai đoạn đầu của quá trình CNH – HĐH. | 0,5  0,5 |
| **Câu 5 (5,0 điểm)** | **1** | ***Dựa vào những tiêu chí nào để đánh giá nền kinh tế?Tại sao cơ cấu ngành trong GDP được xem là một tiêu chí để đánh giá nền kinh tế?*** | ***2,0*** |
| \* Các tiêu chí đánh giá nền kinh tế:  - Tổng sản phẩm trong nước (GDP).  - Tổng thu nhập quốc gia (GNI).  - GNI và GDP bình quân đầu người.  - Cơ cấu ngành trong GDP.  ***\**** Cơ cấu ngành trong GDP được xem là một tiêu chí để đánh giá nền kinh tế vì:  - Các nước có nền kinh tế kém phát triển thường có tỉ trọng nông - lâm – ngư nghiệp trong GDP rất cao, tỉ trọng CN-XD thấp  - Các nước phát triển thường có có tỉ trọng nông - lâm – ngư nghiệp trong GDP rất nhỏ, tỉ trọng ngành dịch vụ rất lớn  - Các nước có xu thể chuyển từ nền kinh tế kém phát triển sang nền kinh tế phát triển thường giảm nhanh tỉ trọng nông nghiệp trong cả cơ cấu lao động lẫn trong cơ cấu GDP. Đồng thời tăng tương ứng trong cơ cấu GDP và lao động của khu vực công nghiệp trong giai đoạn đầu và tăng khu vực dịch vụ ở giai đoạn sau. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **2** | ***a. Để thể hiện dân số thế giới, sản lượng lương thực thế giới thời kỳ 1990 – 2017 thì biểu đồ nào là thích hợp nhất?*** | **3,0** |
| * Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và sản lượng lương thực thế giới là cột đường kết hợp   ( Chú ý: nêu biểu đồ khác không cho điểm). | 1,0 |
| b.***Từ bảng số liệu trên, rút ra nhận xét cần thiết và giải thích***. |  |
| \*Nhận xét:  Tình hình dân số thế giới và sản xuất lương thực thế giới thời kỳ 1990 – 2017 có sự biến động:  - Dân số thế giới: tăng liên tục, tăng 2236 triệu người, gấp 1,42 lần, tốc độ tăng chậm hơn tốc độ tăng sản lượng lương thực.  - Sản lượng lương thực thế giới tăng 1030,2 triệu tấn, tốc độ tăng nhanh hơn số dân, tăng gấp 1,53 lần.; nhưng biến động, giai đoạn 2000 – 2003 còn giảm nhẹ.  - Bình quân lương thực đầu người của thế giới tăng lên, tăng từ 376,7 kg/ người năm 1990 lên 395,5 kg /người năm 2017, tăng 27,6 kh.người, tăng 27,6kg/ người. Có biến động: giai đoạn 1990 – 2003 giảm từ 367,8 kg/ người xuống còn 319,9 kg /người; giai đoạn 2003 – 2017 tăng lên đạt 395,5kg/ người năm 2017.  \* Giải thích:  - Dân số thế giới tăng do quy mô dân số lớn, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên còn cao, đặc biệt là tại các nước đang phát triển.  - Sản lượng lương thực tăng do mở rộng diện tích canh tác, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhu cầu lương thực của con người,… Năm 2003 giảm do tác động của thiên tai, dịch bệnh,…  - Bình quân lương thực đầu người tăng nhưng nhiều biến động do tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực cao hơn tốc độ tăng trưởng của dân số, tác động của thiên tai tại một số khu vực sản xuất lương thực lớn trên thế giới,… | 0,25  0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25 |
| **TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI: CÂU I+CÂU II+CÂU III+ CÂU IV+ CÂU V=20,0 ĐIỂM** | | | |